

# Ứng dụng thuyết Weiss - sự hỗ trợ của gia đình và hộ sinh vào mô hình chăm sóc nhằm tăng hiệu quả việc nuôi con bằng sữa mẹ đối với bà mẹ vị thành niên sinh con so

Lê Thị Yến Phi \*

\* Phòng Điều Dưỡng, Bệnh viện Hùng Vương Email: phivygdhp@ymail.com

## Tóm tắt

**Mục tiêu nghiên cứu:** So sánh hiệu quả việc nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) của các bà mẹ vị thành niên sau sinh lần đầu giữa hai nhóm có và không áp dụng mô hình chăm sóc mới tại hai bệnh viện phụ sản thành phố Hồ Chí Minh.

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu bán thực nghiệm.

**Phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp chọn mẫu có mục đích, 20 bà mẹ vị thành niên sinh lần đầu, trẻ khỏe mạnh, chia làm hai nhóm. Nhóm can thiệp (n=10) tại bệnh viện Hùng Vương nhận sự chăm sóc của hộ sinh có áp dụng học thuyết của Weiss. Nhóm chứng (n=10) tại bệnh viện Từ Dũ, nhận được chăm sóc theo quy trình thường quy.

**Kết quả:** Có sự khác biệt đáng kể về mức độ hiệu quả trong thực hành NCBSM giữa hai nhóm sau khi can thiệp và của nhóm can thiệp trước và sau khi can thiệp. Trước can thiệp, mức độ này là thấp, sau can thiệp, mức độ nhận thức cao hơn có ý nghĩa thống kê ( $Z = -2,805, p = 0,005$ ).

Điều đó có nghĩa mô hình chăm sóc tập trung vào việc phát triển mối quan hệ gần gũi với bà mẹ vị thành niên có tác động mạnh mẽ đến sự tự tin và thể hiện hài lòng của bà mẹ trong việc phát triển sự tương tác mẹ - con giúp NCBSM đạt hiệu quả.

**Từ khóa:** Bà mẹ vị thành niên, NCBSM, hỗ trợ NCBSM, tương tác mẹ - con.

## *The effect of the use of nursing service model that integrates Weiss's social support theory on mother-child attachment as perceived by teenage primiparas related to breastfeeding*

### *Abstract*

**Objective:** To compare the effectiveness of mother-child attachment as perceived by two groups of teenage primiparas related to breastfeeding after the use of Nursing Service Model that integrates Weiss's social support theory and the use of Task-Oriented Model in two maternity hospitals in Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Design:** A quasi-experimental study design for two groups by pre-post tests

**Method:** Purposive sampling includes 20 teenage primiparas after natural childbirth with healthy babies. Ten subjects (experimental group at Hung Vuong Hospital) received the nursing service model that integrates Weiss's social support theory developed by researchers and were taken care of by professional nurses. The other ten subjects (control group at Tu Du Hospital) received the nursing service following Task-Oriented Model.

**Results:** After experimentation, the mean of mother-child attachment of the experimental group was statistical significantly higher than that of the control group at  $p < .05$ . Furthermore, after

*experimentation, the mean of the experimental group was also higher than before. The results revealed that those who received care from nursing service model that integrates Weiss's social support tended to develop their mother-child attachment better, with higher confidence and satisfaction with mother-child interactions during breastfeeding.*

**Key words:** teenage primipara mother, breastfeeding, social support breastfeeding, maternal-child attachment.

## Đặt vấn đề

### Lý do tiến hành nghiên cứu

Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho trẻ sơ sinh (Tổ chức Y Tế Thế giới, 2003). Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) tăng theo tuổi của người mẹ. Tuổi có liên quan tích cực đến việc NCBSM, tỷ lệ bà mẹ lớn tuổi cho con bú mẹ cao hơn so với bà mẹ trẻ tuổi.<sup>1</sup>

Hỗ trợ từ các chuyên gia chăm sóc sức khỏe, gia đình, bạn bè được chứng minh là có liên quan tích cực với việc bắt đầu và tiếp tục duy trì việc NCBSM.<sup>2</sup> Bà mẹ tuổi vị thành niên sẽ kéo dài việc cho con bú mẹ nếu họ nhận thức được rằng NCBSM là một phương pháp phổ biến được xã hội công nhận.<sup>3</sup> Các bà mẹ trẻ cùng độ tuổi sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến việc duy trì NCBSM kéo dài đến 6 tháng.<sup>4</sup>

Tương tác mẹ - con rất quan trọng trong đó vai trò của người mẹ có thể được thực hiện để thúc đẩy việc NCBSM.<sup>5</sup> Tình cảm mẹ con gắn kết, giúp người mẹ đáp ứng nhu cầu của con mình, đặc biệt đưa ra quyết định cho con bú mẹ trong tuần lễ đầu sau sanh. Bằng thái độ trìu mến, bà mẹ tuổi vị thành niên lần đầu làm mẹ có thể xây dựng mối quan hệ hài hòa, bền vững, đồng điệu với những cảm xúc của trẻ sơ sinh và cải thiện vai trò là mẹ của mình trong thời gian cho con bú để giúp trẻ phát triển tốt.

Ứng dụng học thuyết của Weiss, can thiệp của hộ sinh bao gồm phát triển mối quan hệ gắn gũi với bà mẹ vị thành niên và cung cấp những hỗ trợ cần thiết nhằm tăng tính hiệu quả của việc NCBSM là mục tiêu của nghiên cứu này

## Mục tiêu nghiên cứu

**Mục tiêu tổng quát:** Nghiên cứu mô hình chăm sóc có ứng dụng học thuyết Weiss nhằm tăng hiệu quả việc NCBSM ở bà mẹ vị thành niên sinh con lần đầu.

### Mục tiêu cụ thể:

1. Nghiên cứu hiệu quả trong thực hành NCBSM của bà mẹ vị thành niên sinh con so của hai nhóm can thiệp và nhóm chứng trước và sau can thiệp.
2. So sánh mức độ hiệu quả trong thực hành NCBSM của bà mẹ vị thành niên sinh con so sau khi can thiệp giữa hai nhóm can thiệp và nhóm chứng.
3. So sánh mức độ hiệu quả trong thực hành NCBSM của bà mẹ vị thành niên sinh con so trong nhóm can thiệp trước và sau khi can thiệp.

## Tóm tắt thuyết Weiss

Thuyết Weiss đề cập đến mối quan hệ thân thiết giữa các thành viên trong gia đình được biểu hiện qua cảm xúc để tác động hỗ trợ về mặt tinh thần, Đó là một quá trình phát triển đặc trưng gồm có 6 vấn đề như: mối quan hệ gần gũi, hội nhập xã hội, cơ hội để nuôi dưỡng, sự tự tin vào giá trị, có một hậu thuẫn đáng tin cậy, học tập từ các hướng dẫn. Con người cảm nhận được sự đồng cảm và yêu thương từ những mối quan hệ này, đặc biệt là đối với bà mẹ vị thành niên gắn kết với con của mình để phát triển tình cảm. Những tình cảm này giúp bà mẹ gắn kết tình cảm với trẻ qua việc chăm sóc và đáp ứng nhu cầu cơ bản của trẻ. Vai trò của người mẹ có thể

được thực hiện để thúc đẩy sự gắn kết và giúp người mẹ đáp ứng nhu cầu của con mình, đặc biệt đưa ra quyết định cho con bú mẹ trong tuần lễ đầu sau sinh.

Mô hình chăm sóc điều dưỡng kết hợp với học thuyết hỗ trợ xã hội của Weiss để thiết lập các hoạt động của hộ sinh trong thời gian bà mẹ nằm tại khoa hậu sản từ ngày thứ 1 đến ngày thứ 3

1. Tiến hành đánh giá các mối quan hệ được thiết lập
2. Tham gia hội nhập xã hội

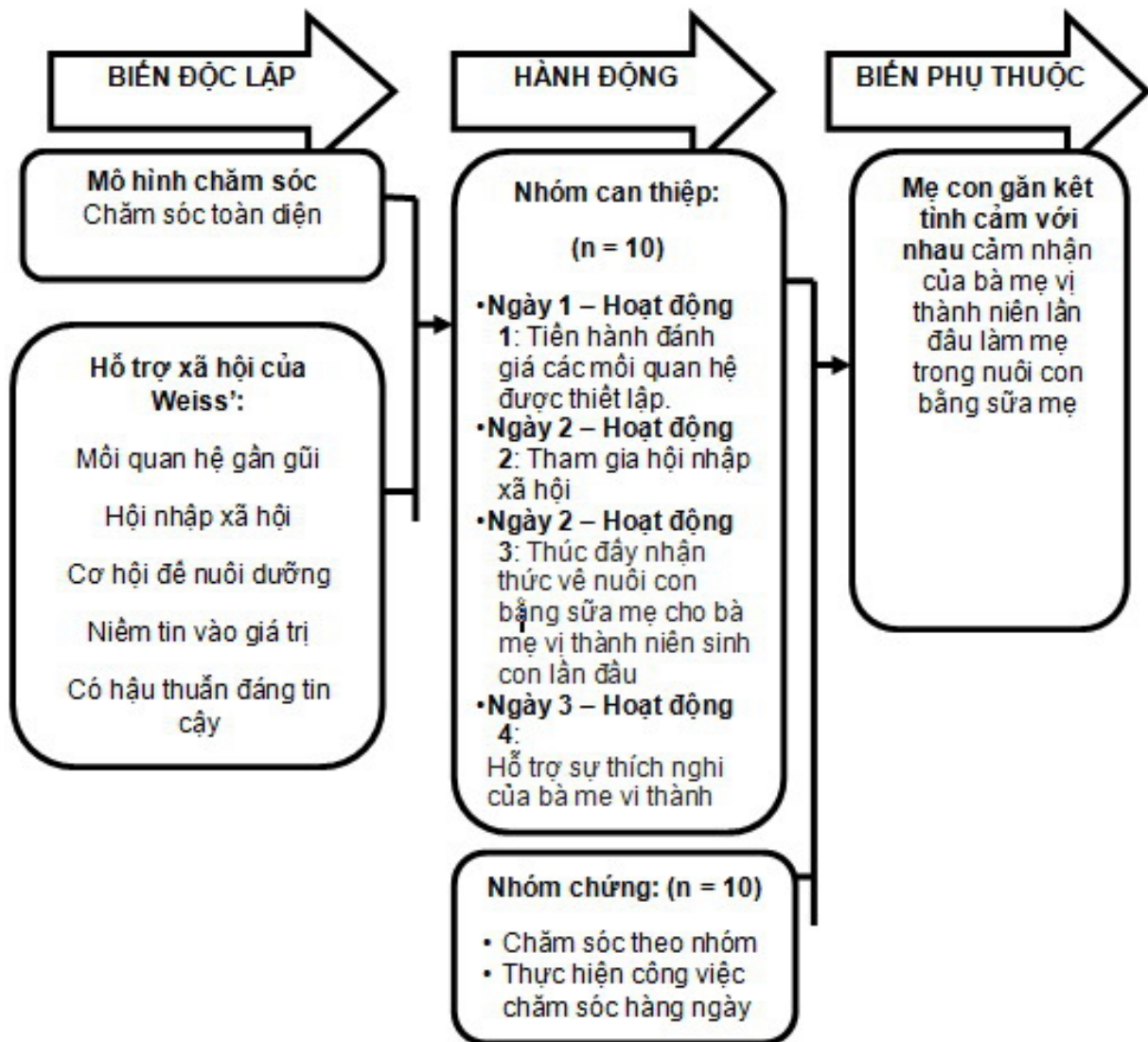
3. Thúc đẩy nhận thức về NCBSM cho bà mẹ tuổi vị thành niên sinh con lần đầu

4. Hỗ trợ bà mẹ tuổi vị thành niên sinh con lần đầu thích nghi với vai trò bà mẹ

**Bảng câu hỏi được thiết lập dựa vào ba thành phần chính:**

1. Thúc đẩy sự gắn kết tình cảm mẹ con.
2. Đạt được năng lực trong vai trò làm mẹ
3. Bày tỏ sự hài lòng trong mối quan hệ gắn bó giữa bà mẹ - trẻ sơ sinh

**KHUNG KHÁI NIỆM**



## Phương pháp nghiên cứu

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu bán thực nghiệm

**Dân số và cỡ mẫu:** 20 bà mẹ, được chia làm hai nhóm; 10 bà mẹ tham gia nhóm nghiên cứu thuộc bệnh viện Hùng Vương và 10 bà mẹ tham gia nhóm chứng thuộc bệnh viện Từ Dũ.

**Công cụ nghiên cứu:** Cẩm nang hộ sinh và bộ câu hỏi đánh giá hiệu quả việc nuôi con bằng sữa mẹ

- Cẩm nang điều dưỡng: được thiết kế theo mô hình chăm sóc kết hợp với học thuyết hỗ trợ xã hội (Robert S. Weiss 1974) là tài liệu tập huấn cho nữ hộ sinh trước khi tiến hành can thiệp, với 5 hoạt động:

• **Ngày 1 – Hoạt động 1: Tiến hành đánh giá các mối quan hệ được thiết lập** là sự tương tác giữa nữ hộ sinh với bà mẹ tuổi vị thành niên sinh con so và mẹ của bà ta (các thành viên tham gia) để tìm hiểu kinh nghiệm, cảm xúc về nuôi con bằng sữa mẹ mà bà mẹ vị thành niên chia sẻ.

• **Ngày 2 – Hoạt động 2: Tham gia hội nhập xã hội** nữ hộ sinh thảo luận với bà mẹ vị thành niên, mẹ và bạn bè của bà ta cũng như các bà mẹ đang nuôi con bằng sữa mẹ để chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc về nuôi con bằng sữa mẹ qua đó làm tăng kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ.

• **Ngày 2 – Hoạt động 3: Thúc đẩy nhận thức về nuôi con bằng sữa mẹ cho bà mẹ tuổi vị thành niên sinh con so** nữ hộ sinh hỗ trợ các đối tượng tham gia nghiên cứu nhận ra những hiểu biết và kinh nghiệm của họ và cải thiện kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ.

• **Ngày 3 – Hoạt động 4: Hỗ trợ sự thích nghi của bà mẹ tuổi vị thành niên sinh con so với vai trò bà mẹ** giúp đỡ bà mẹ tuổi vị thành niên sinh con so nhằm thúc đẩy khả năng gắn kết tình cảm với trẻ sơ sinh trong

thời gian nuôi con bằng sữa mẹ.

- Bảng câu hỏi về mức độ biểu hiện tình cảm mẹ con trong vai trò làm mẹ sẽ được phát triển bằng cách sử dụng học thuyết

Đạt được vai trò làm mẹ - Trở thành người mẹ (Ramona T. Mercer) với 3 mức độ: Thúc đẩy mối quan hệ gắn bó từ mẹ sang trẻ sơ sinh, Đạt được năng lực trong hành vi làm mẹ, Bày tỏ sự hài lòng trong mối tương tác bà mẹ - trẻ sơ sinh.

Đánh giá thang điểm: Cao nhất, cao, trung bình, thấp, thấp nhất:

$$\frac{\text{Maximum} - \text{Minimum}}{\text{Interval}} = \frac{5 - 1}{5} = 0.08$$

**Mức thấp nhất:** từ 1 đến 1.8

**Mức độ thấp:** từ 1.81 đến 2.6

**Mức độ trung bình:** từ 2.61 đến 3.4

**Mức độ cao:** từ 3.31 đến 4.2

**Mức độ cao nhất:** từ 4.21 đến 5.0

## Kết quả

1. Nghiên cứu được thực hiện với cỡ mẫu nhỏ (20 trường hợp) 100% các bà mẹ vị thành niên đã kết hôn, 85% có trình độ cấp III, 70% ở độ tuổi từ 17 đến 18 trong cả hai nhóm can thiệp và nhóm chứng

2. Mức độ hiệu quả đạt được trong thực hành NCBSM ở các bà mẹ vị thành niên sinh con so ở nhóm can thiệp và nhóm chứng đều đạt ở mức độ trung bình ở thời điểm ban đầu. Sau khi can thiệp đối với nhóm can thiệp đạt ở mức độ cao nhất, và nhóm chứng chỉ đạt mức độ cao (bảng 2).

3. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hiệu quả NCBSM sau khi can thiệp ở nhóm can thiệp cao hơn nhóm chứng ở giá trị  $p < 0.05$ . Điều này chấp nhận giả định thứ nhất (bảng 3). Trong nhóm can thiệp; mức độ này sau khi can thiệp cao hơn có ý nghĩa thống kê so với trước khi can thiệp ở giá trị  $p < 0.05$ , chấp nhận giả định thứ hai (bảng 4)



**Bảng 2. Các mức độ hiệu quả thực hành NCBSM trước và sau khi can thiệp của hai nhóm**

Nội dung		Nhóm can thiệp n=10			Nhóm chứng n=10		
		$\bar{X}$	SD	Mức độ	$\bar{X}$	SD	Mức độ
Thúc đẩy sự gắn kết tình cảm mẹ con	Trước can thiệp	2,660	,350	TB	2,990	,363	TB
	Sau can thiệp	3,700	,287	Cao nhất	4,32	,215	Cao
Đạt được năng lực trong vai trò làm mẹ	Trước can thiệp	3,060	,331	TB	3,280	,140	TB
	Sau can thiệp	3,920	,282	Cao nhất	4,420	,079	Cao
Bày tỏ sự hài lòng trong mối quan hệ gắn bó giữa bà mẹ - trẻ sơ sinh	Trước can thiệp	2,810	,373	TB	3,280	,316	TB
	Sau can thiệp	3,730	,231	Cao nhất	4,460	,190	Cao
<b>Tổng</b>	<b>Trước can thiệp</b>	<b>2,843</b>	<b>,329</b>	<b>TB</b>	<b>3,183</b>	<b>,257</b>	<b>TB</b>
	<b>Sau can thiệp</b>	<b>3,783</b>	<b>,251</b>	<b>Cao nhất</b>	<b>4,400</b>	<b>,137</b>	<b>Cao</b>

**Bảng 3. So sánh mức độ hiệu quả trong thực hành NCBSM giữa hai nhóm sau can thiệp bằng phép kiểm định Mann Witney.**

Nội dung	Cỡ mẫu n=10	$\bar{X}$	SD	Mean rank	Sum of rank	Z	P
Thúc đẩy sự gắn kết tình cảm mẹ con	Nhóm chứng	3,700	,287	6,10	61,00	-3,360	,001
	Nhóm can thiệp	4,329	,215	14,90	149,00		
Đạt được năng lực trong vai trò làm mẹ	Nhóm chứng	3,920	,282	6,00	60,00	-3,461	,001
	Nhóm can thiệp	4,420	,079	15,00	150,00		
Bày tỏ sự hài lòng trong mối quan hệ gắn bó giữa bà mẹ - trẻ sơ sinh	Nhóm chứng	3,730	,231	5,55	55,50	-3,767	,001
	Nhóm can thiệp	4,460	,190	15,45	154,50		
<b>Tổng</b>	Nhóm chứng	<b>3,783</b>	<b>,251</b>	<b>5,70</b>	<b>57,00</b>	<b>-3,635</b>	<b>0,01</b>
	Nhóm can thiệp	<b>4,400</b>	<b>,137</b>	<b>15,30</b>	<b>153,00</b>		

\*p < .05

**Bảng 4. So sánh mức độ hiệu quả trong thực hành NCBSM của nhóm can thiệp trước và sau can thiệp bằng phép kiểm định Wilcoxon.**

Nội dung	Cỡ mẫu n=10	$\bar{X}$	SD	Mean rank	Sum of rank	Z	P
Thúc đẩy sự gắn kết tình cảm mẹ con	Trước can thiệp	2,990	,363	,000	,000	-2,814	,005
	Sau can thiệp	4,320	,215	5,500	55,000		
Đạt được năng lực trong vai trò làm mẹ	Trước can thiệp	3,280	,140	,000	,000	-2,829	,005
	Sau can thiệp	4,420	,079	5,500	55,000		
Bày tỏ sự hài lòng trong mối quan hệ gắn bó giữa bà mẹ - trẻ sơ sinh	Trước can thiệp	3,280	,316	,000	,000	-2,831	,005
	Sau can thiệp	4,460	,190	5,500	55,000		
<b>Tổng</b>	<b>Trước can thiệp</b>	<b>3,013</b>	<b>,336</b>	<b>,000</b>	<b>,000</b>	<b>-2,805</b>	<b>,005</b>
	<b>Sau can thiệp</b>	<b>4,092</b>	<b>,373</b>	<b>5,500</b>	<b>55,000</b>		

### Bàn luận

Kết quả cho thấy các bà mẹ vị thành niên trong nhóm chứng và nhóm can thiệp mức độ

nhận thức về NCBSM ban đầu chỉ ở mức độ thấp và trung bình nhưng sau 3 ngày can thiệp có sự thay đổi về mức độ hiệu quả trong thực hành NCBSM. Sự thay đổi này có ý nghĩa

thống kê ( $Z = -2.805$ ,  $p = .005$ ). Kết quả này giống với quan điểm của Weiss<sup>6</sup> mối quan hệ gần gũi có thể giúp con người có cảm giác thoải mái và an toàn để phát huy hết vai trò của mình. Nhóm đồng đẳng kết hợp với dịch vụ y tế chuyên nghiệp có hiệu quả trong việc hỗ trợ các bà mẹ NCBSM kéo dài  $p = 0.01$

Kết quả cho thấy hoạt động của hộ sinh tập trung vào mối quan hệ gắn bó giữa các bà mẹ vị thành niên sau sanh có hiệu quả tốt trong việc NCBSM so với hoạt động chăm sóc thường quy. Tương tự nghiên cứu của Meyerink & Marquis<sup>7</sup> Bolling<sup>8</sup> đã phát hiện ra bà mẹ có nhiều khả năng để bắt đầu NCBSM khi nhận được khuyến khích tích cực từ bạn bè hay mẹ của họ. Một nghiên cứu được tiến hành ở Anh được mô tả là các bà mẹ có cảm giác chưa thực sự sẵn sàng để cho bé bú mẹ và họ rất cần thông tin để khắc phục vấn đề này.<sup>9</sup>

### Khuyến nghị

Cần có chính sách hỗ trợ thiết thực cho phép các bà mẹ sau sanh được tiếp xúc với người nhà và những bà mẹ đã NCBSM thành công để hỗ trợ bà mẹ vị thành niên tiếp NCBSM và gửi thông điệp đến các bà mẹ rằng nuôi con bằng sữa mẹ luôn được mọi người ủng hộ. Nhà quản lý khuyến khích nhân viên

tham vấn NCBSM đưa ra các giải pháp thích hợp để hỗ trợ các bà mẹ đạt được mục tiêu NCBSM và tích cực chia sẻ kinh nghiệm NCBSM thành công cho các bà mẹ khác.

### Tài liệu tham khảo

1. Scott JA, L. M. (2001). Psychosocial factors associated with the abandonment of breastfeeding prior to hospital discharge. *J Hum Lact* 17, 24-30.
2. Pediatrics, A. A (2005), Breastfeeding and the use of human milk *Pediatrics*, 115, 496-506.
3. Bolling K, Grant C, Hamlyn B, Thomton A. (2007), *Infant Feeding Survey 2005*, London: The Stationery Office.
4. Adrian James Cameron, K. H. (2010). Influence of Peers on Breastfeeding discontinuation among New Parents. Melbourne.
5. Mercer R, Ferketich S. (1995), Experienced and inexperienced mother' maternal competence during infancy, *Research in Nursing & Health*, 18, 333-343
6. S, W. (1974), In I. R. Z, *The provisions of social relationships, Doing unto others: Joining, molding, conforming, helping, loving* (pp. 17-26).
7. L, D. C.(2002). Breastfeeding Peers support: Maternal and Volunteer, Perceptions from a Randomized Controlled Trial. *Birth* 2002; 29(3), 76-169.
8. Bolling K, Grant C, Hamlyn B, Thomton A. (2007), *Infant Feeding Survey 2005*, London: The Stationery Office.
9. Graffy J, Taylor J. (2005). What information, advice, and support do women want with breastfeeding? *Birth* 2005, 32(3), 179-186.